

Bản án số: 189/2022/DS-ST
Ngày 29 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Bà Ngô Hồng Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2022/TLST–DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quyết T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T : Ông Lê Thanh Đ – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện Đ (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Điền: Ông Mai Quốc V – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện Đ (Văn bản ủy quyền số 155/2022/UQ- NHCS ngày 04/8/2022).

Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn Đam Dơi, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn L , sinh năm 1955

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.

Cùng cư trú tại: Ấp Cái Keo, xã Quách Phẩm, huyện Đ , tỉnh C. (ông L và bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 7 năm 2022 của nguyên đơn và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Minh V trình bày:

Ngày 09/4/2010 Ngân hàng C– Phòng giao dịch huyện Đ và ông Trần Văn L ký kết hợp đồng vay vốn tín dụng số tiền 35.800.000 đồng; lãi suất vay 0.5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn; thời hạn trả cuối vào ngày 09/5/2020.

Theo Sổ khế ước tiền vay 6000006000000483 tổng số tiền vay còn thiếu 53.260.000 đồng. Sau khi vay ông L chưa trả tiền gốc, trả tiền lãi được tổng số tiền 10.698.669 đồng. Từ đó đến nay ông L không trả cho Ngân hàng được khoản nào.

Căn cứ vào khế ước 6000006000000483 vay tiền ngày 09/4/2010 ông L đã quá hạn trả nợ gốc phân kỳ món vay nhưng ông L chưa thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hồ sơ vay vốn đã ký.

Nay, Ngân hàng C– Phòng giao dịch huyện Đ yêu cầu Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Đ số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 53.992.263 đồng. Trong đó nợ gốc 35.800.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 28/9/2022 số tiền 18.192.263 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến thời điểm tất toán nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H : Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H theo quy định pháp luật, nhưng ông L và bà H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Ấn lệ số 08/2016AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C– Phòng giao dịch huyện Đ. Buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch Đ số là 53.992.263 đồng và lãi suất tiếp theo kể từ ngày 29/9/2022 cho đến ngày trả hết nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà H

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 09/4/2010, Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Đ với ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng vay tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L và bà H vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng do các bên xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định Bộ luật dân sự năm 2015, nay xảy ra tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Sổ khế ước tiền vay 6000006000000483 ngày 09/4/2010 và sổ lưu từ rơi theo dõi, cho vay, thu nợ và dư nợ, ông L có vay của Ngân hàng số tiền 35.800.000 đồng. Thời hạn vay đến ngày 09/5/2020; lãi suất trong hạn 0,5%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% so với lãi suất trong hạn. Hợp đồng tín dụng này được hai bên thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, tuân thủ về nội dung và hình thức theo các Điều 385, Điều 401, Điều 402 Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực đối với các bên tham gia. Các bên tham gia giao dịch có mọi quyền, nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L và bà H trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 10.698.669 đồng, còn nợ Ngân hàng số tiền 53.992.263 đồng. Từ đó ông L và bà H không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần nhưng ông L và bà H không trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay, nên ông L và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cũng như, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự: “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*”. Viện dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L và bà H nhưng ông bà không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của Ngân hàng nên ông bà chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng tổng số tiền 53.992.263 đồng (trong đó nợ gốc 35.800.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 28/9/2022 số tiền 18.192.263 đồng).

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng C buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị

H về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2022 cho đến ngày tắt toán Sổ kế ước tiền vay 6000006000000483 ngày 09/4/2010. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Do đó, ông L và bà H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 2.699.600 đồng (53.992.263 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

1. Buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng C tính đến ngày 28/9/2022 gồm các khoản sau:

Tổng số tiền 53.992.263 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng. Trong đó nợ gốc 35.800.000 đồng và nợ lãi 18.192.263 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/9/2022 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng

vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.699.600 đồng (hai triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam